TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Ngọc

Ông Nguyễn Chí Dựng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1984. Có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ: KDC H1, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND phường H vào ngày 19 tháng 4 năm 2002. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không còn tiếng nói chung, biện pháp tháo gỡ không có, nên kể từ đó đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Anh Hoàng Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Đoàn Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường H vào ngày 19 tháng 4 năm 2002. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh không yêu cầu hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là cháu Hoàng Thanh Q, sinh ngày 15/01/2003 và cháu Hoàng Trường C1, sinh ngày 07/10/2006. Nay chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu C1 và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L nhất trí.

Đối với cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, chị T và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Trường C1 có nguyện vọng xin được ở cùng chị T.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị T và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường H cung cấp: Chị T và anh L đăng ký kết hôn tại UBND phường H. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện anh chị tự sống ly thân. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh L và nuôi dưỡng con chung, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không có quan điểm trình bày T.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Trường C1, sinh ngày 07/10/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Hoàng Thanh Q, sinh ngày 15/01/2003 đã đủ tuổi thành, đôi bên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Hoàng Văn L có đăng ký hộ

khẩu thường trú tại phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Hoàng Văn L đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn L trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh L, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có sự chia sẻ, niềm tin và trách nhiệm đối với nhau. Dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2018, chị T và anh L tự sống ly thân. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh L nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn vắng mặt. Chứng tỏ, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã không thể giàn xếp, mục đích của hôn nhân không còn, tình cảm giữa đôi bên đã hết, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là cháu Hoàng Thanh Q, sinh ngày 15/01/2003 và cháu Hoàng Trường C1, sinh ngày 07/10/2006. Xét nguyện vọng của cháu C1 cũng như sự tự nguyện của chị T và anh L về việc nuôi dưỡng con chung, nên cần chấp nhận giao cháu C1 cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu C1 là phù hợp.

Đối với cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, chị T và anh L không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đôi bên không yêu cầu, nên không giải quyết đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Hoàng văn L.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Trường C1, sinh ngày 07/10/2006 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu L pháp luật đến khi cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Hoàng Thanh Q, sinh ngày 15/01/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, chị T và anh L không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị T không yêu cầu việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001487 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền